

Bản án số: **106/2022/HNGĐ-ST**
Ngày: 30/6/2022
V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊN PHƯỚC, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Thanh Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Phước

2. Bà Thái Thị Việt

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Kim Thắng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiên Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Phước tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiên Phước mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 59/2022/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 26-5-2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2022/QĐST-HNGĐ ngày 13-6-2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị P, sinh năm 1972. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Phan Văn Q, sinh năm 1968. Vắng mặt.

Cùng trú tại: Thôn 4, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Phan Văn Q chung sống với nhau từ năm 1989 đến nay nhưng không có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền. Quá trình chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn, do bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp nhau. Bà đã nhiều lần cố gắng chịu đựng mong vợ chồng sớm cải thiện được mâu thuẫn để nuôi dạy con cái nhưng vẫn không cải thiện được. Nay, bà không thể tiếp tục chung sống với ông Phan Văn Q được nữa, hiện tại mỗi người sống mỗi nơi, không ai quan tâm đến ai. Do đó, bà yêu cầu Tòa án cho bà được ly hôn đối với ông Phan Văn Q.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà Trần Thị P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Tại bản tự khai, ông Phan Văn Q trình bày:** Ông với bà Trần Thị P chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn; trong quá trình chung sống thì ông và bà P cũng có xảy ra một số mâu thuẫn. Nay bà P yêu cầu ly hôn thì ông không có ý kiến gì.

Tòa án đã nhiều lần triệu tập cũng như tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông Phan Văn Q vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án: Đơn xác nhận của UBND xã Tiên Ngọc; bản sao chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu; bản tự khai của các đương sự; các tài liệu liên quan đến quá trình tố tụng của Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Phước phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và hướng giải quyết vụ án: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký cũng như Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn là đúng pháp luật; bị đơn vắng mặt là không chấp hành quy định của pháp luật.

Về hướng giải quyết vụ án: Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như diễn biến tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử không công nhận vợ chồng giữa bà Trần Thị P và ông Phan Văn Q.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Trần Thị P và ông Phan Văn Q chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1989 đến nay nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền, bị đơn ông Phan Văn Q hiện đang cư trú tại xã T, bà P yêu cầu ly hôn. Tòa án nhân dân huyện Tiên Phước thụ lý vụ án ly hôn và giải quyết là đúng thẩm quyền, đúng quan hệ pháp luật theo Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn Phan Văn Q đã được tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng không tham gia các hoạt động trong quá trình chuẩn bị xét xử nên Tòa án không tiến hành hòa giải được, tại phiên tòa bị đơn Phan Văn Q tiếp tục vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn Phan Văn Q là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị P và ông Phan Văn Q tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1989 đến nay không có đăng ký kết hôn đã được Ủy ban nhân dân xã Tiên Ngọc, huyện Tiên Phước xác nhận. Như vậy, việc chung sống với nhau như vợ chồng của bà P và ông Q là vi phạm quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình về đăng ký kết hôn. Mọi quan hệ giữa bà P và ông Q không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Bà Trần Thị P yêu cầu ly hôn, Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 9, 14, 15, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận đơn khởi kiện của bà Trần Thị P, không công nhận quan hệ giữa bà P và ông Q là vợ chồng.

[2.2] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà Trần Thị P phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 2 Điều 21, Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Các Điều 9, 14, 15, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử:

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Trần Thị P và ông Phan Văn Q.

Về án phí: Bà Trần Thị P chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà P đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008678 ngày 30/3/2022 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng bị đơn vắng mặt có quyền kháng trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh, VKSND tỉnh;
- VKSND huyện Tiên Phước;
- Chi cục THADS huyện Tiên Phước;
- UBND xã Tiên Ngọc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Võ Thanh Hải